

BỆNH VIỆN ĐA KHOA PHỤ DỤC		ĐƠN VỊ TTT-DLS		THÔNG TIN THUỐC THÁNG 11.2024			
THÔNG TIN THUỐC MỚI							
STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Hàm lượng	Chỉ định	Liều dùng, cách dùng	Chống chỉ định	Ghi chú
1	Waisan	Eperison	50mg	Cải thiện triệu chứng tăng trương lực cơ trong các bệnh lý: hội chứng cổ, vai, gáy, viêm quanh khớp vai và đau thắt lưng. Liệt cứng trong bệnh lý mạch máu não, liệt cứng do tủy, thoái hóa đốt sống cổ, di chứng sau phẫu thuật, di chứng sau chấn thương	Liều thông thường đối với người lớn là 3 viên/ngày chia 3 lần, uống sau mỗi bữa ăn	Bệnh nhân mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc	Thuốc có thể gây buồn ngủ, mất tập trung. Bệnh nhân sử dụng thuốc không nên lái xe và vận hành máy móc
2	Videtrol	Dexamethason, Neomycin sulfat, Polymyxin B sulfat	1,0mg; 3500 IU; 6000 IU	Điều trị ngắn hạn các trường hợp viêm ở mắt có đáp ứng với steroid khi xét thấy cần dùng đồng thời các thuốc kháng khuẩn, sau khi loại trừ nguyên nhân do nấm và virus	Nhỏ 1 đến 2 giọt vào mỗi bên mắt bị bệnh, có thể nhỏ tới 6 lần/ngày hoặc nhiều hơn nếu cần thiết	<ul style="list-style-type: none"> - Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc - Viêm giác mạc do Herpes simplex - Bệnh đậu bò, đậu mùa, thủy đậu, bệnh kết mạc và giác mạc do virus - Bệnh mắt nhiễm Mycobacterium, nấm hoặc nhiễm ký sinh trùng ở mắt không được điều trị 	

3	Enterogran	Bacillus clausii	2x10 ⁹ CFU	<ul style="list-style-type: none"> - Điều trị và phòng ngừa rối loạn vi sinh đường ruột và bệnh lý kém hấp thu vitamin nội sinh - Điều trị hỗ trợ để phục hồi hệ vi sinh đường ruột bị ảnh hưởng khi dùng thuốc kháng sinh hoặc hóa trị - Rối loạn tiêu hóa cấp và mạn tính 	<p>Mỗi lần uống 1 gói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ em: 1-2 gói/ngày, uống trước bữa ăn 30 phút - Trẻ em bị tiêu chảy, phân lỏng: 3 gói/ngày, cách 3-4 giờ dùng 1 gói - Người lớn: 3-4 gói/ngày 	Mẫn cảm với thành phần của thuốc	Nên uống xen kẽ giữa các liều dùng kháng sinh
4	Laevolac	Lactulose	10g/15ml	<ul style="list-style-type: none"> - Táo bón khi chế độ ăn nghèo chất xơ, ít chất lỏng và thiếu vận động - Dự phòng và điều trị bệnh não do các bệnh lý liên quan đến hệ tĩnh mạch cửa (bệnh não do gan) 	<p>Táo bón:</p> <p>Liều hàng ngày cho 3 ngày đầu tiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người lớn và trẻ em trên 14 tuổi: 15 - 45ml mỗi ngày - Trẻ em và trẻ em từ 6 - 14 tuổi: 15ml mỗi ngày - Trẻ em từ 2 - 6 tuổi: 5 - 10ml - Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và trẻ thơ từ 28 ngày đến 23 tháng: 5 ml <p>Sau đó có thể giảm liều tùy người</p> <p>Dự phòng và điều trị bệnh não do gan: Liều lượng phải được điều chỉnh để có thể đi được 2 - 3 lần phân mềm mỗi ngày.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quá mẫn với lactulose - Tắc ruột - Không dung nạp fructose, thiếu enzym lactase, galactose huyết hoặc hội chứng kém hấp thu glucose/galactose - Triệu chứng dạ dày - tim 	
5	AlphaDHG	Chymotrypsin	21 microkatal (tương đương 4200 USP unit)	Điều trị phù nề sau chấn thương, phẫu thuật, bỏng	Liều hàng ngày cho 3 ngày đầu tiên:	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫn cảm với thành phần của thuốc - Không sử dụng ở bệnh nhân có nguy cơ giảm alpha-1-antitrypsine như: bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, khí phế thũng, hội chứng thận hư... 	Không nên sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú

6	A.T Salbutamol	Salbutamol	5mg/5ml	- Giảm co thắt phế quản nặng - Ngăn ngừa chuyển dạ sớm ở những bệnh nhân không đáp ứng với các thuốc ức chế co thắt tử cung (tocolytic)	- Người lớn và trẻ em trên 14 tuổi: 15 - 45ml mỗi ngày	Bất kỳ tình trạng nào khi kéo dài thai kỳ như: nhiễm độc huyết, nhiễm khuẩn tử cung, chảy máu âm đạo, sản giật hoặc tiền sản giật nặng,...	- Chỉ được cân nhắc sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú trong trường hợp lợi ích vượt trội nguy cơ
7	A.T Nitroglycerin inj	Nitroglycerin	5mg/5ml	Kiểm soát tăng huyết áp trước khi phẫu thuật; Điều trị suy tim sung huyết kết hợp với nhồi máu cơ tim cấp tính; Điều trị cơn đau thắt ngực với những bệnh nhân không có phản ứng với liều; Làm giảm huyết áp trong thời gian phẫu thuật khuyến cáo của nitrat hữu cơ và hoặc chẹn beta giao cảm, cơn đau thắt ngực và co thắt mạch vành không ổn định	- Trẻ em và trẻ em từ 6 - 14 tuổi: 15ml mỗi ngày	Quá mẫn với thành phần của thuốc;Huyết áp thấp, truy tim mạch; Thiếu máu nặng; Tăng áp lực nội sọ, xuất huyết não;Nhồi máu cơ tim thất ; Hẹp van động mạch chủ, bệnh cơ tim phì đại tắc nghẽn;Viêm màng ngoài tim co thắt; Glaucom góc đóng	- Trạng thái khi dùng cho người bệnh suy gan, suy thận nặng, cường giáp, suy dinh dưỡng - Bệnh nhân sử dụng thuốc không được lái xe và vận hành máy móc
8	Kali clorid 10%	Kali clorid	500mg/5ml	- Điều trị giảm kali huyết - Điều trị giảm kali huyết nặng ở bệnh nhân dùng thuốc lợi tiểu thải kali - Phòng giảm kali huyết ở những người đặc biệt có nguy cơ	- Trẻ em từ 2 - 6 tuổi: 5 - 10ml	- Mẫn cảm với thành phần của thuốc - Tăng kali huyết, tăng clorid huyết	
9	Livethine	L-ornithin L-aspartat	2g/8ml	Bệnh não gan tiềm ẩn và dạng biểu hiện	- Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ và trẻ thơ từ 28 ngày đến 23 tháng: 5 ml	- Mẫn cảm với thành phần của thuốc - Suy thận nặng	

10	Vincardipin	Nicardipin	10mg/10ml	<p>Tăng huyết áp đe dọa tính mạng, trong các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tăng huyết áp động mạch ác tính hoặc bệnh lý não do tăng huyết áp - Bóc tách động mạch chủ - Tiền sản giật nặng - Tăng huyết áp sau mổ 	Sau đó có thể giảm liều tùy người	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫn cảm với thành phần của thuốc - Hẹp van động mạch chủ nặng - Tăng huyết áp bù trừ (tắc nghẽn động mạch hoặc hẹp eo động mạch chủ) - Đau thắt ngực không ổn định - Trong vòng 8 ngày sau nhồi máu cơ tim 	Thận trọng với bệnh nhân suy gan, suy thận, suy tim
11	Lipovenoes 10% LR	Dầu đậu nành, glycerol, phospholipid từ trứng	Hàm lượng/chai 500ml: 50,0g; 12,5g; 3,0g	Đáp ứng nhu cầu về năng lượng và các acid béo thiết yếu qua đường tĩnh mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, trẻ em: từ 1-2g mỡ/kg/ngày, nếu không có chỉ định khác. Có thể lên đến 3g mỡ/kg/ngày nếu có nhu cầu cao hơn - Người lớn: từ 1-2g mỡ /kg/ngày Tốc độ truyền tối đa: 0,125g mỡ/kg/giờ 	<ul style="list-style-type: none"> - Rối loạn chuyển hoá lipid - Thê trạng chảy máu trầm trọng - Đái tháo đường mất bù trong cơ chế trao đổi chất không ổn định - Phụ nữ có thai trong 3 tháng đầu - Dị ứng với protein từ trứng, đậu nành, lạc hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc - Các chứng bệnh cấp tính nguy hiểm đến tính mạng 	

12	Brometic 2mg/10ml	Bromhexin	2mg/10ml	Làm loãng đờm trong các bệnh phế quản phổi cấp và mạn tính	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ dưới 2 tuổi: 5ml x 3 lần/ngày - Trẻ 2-6 tuổi: 10ml x 3 lần/ngày - Trẻ 6-12 tuổi: 20ml x 3 lần/ngày - Trẻ trên 12 tuổi và người lớn: 40ml x 3 lần/ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhạy cảm với thành phần của thuốc - Bệnh nhân mắc bệnh lý di truyền hiếm gặp không tương thích với tá dược của thuốc 	Dùng bromhexin chung với các kháng sinh amoxicillin, cefuroxim, erythromycin, doxycyclin làm gia tăng nồng độ kháng sinh trong nhu mô phổi
Ghi chú: Theo hướng dẫn NSX; Drug bank							
					<i>Ngày 15 tháng 11 năm 2024</i>		
					Dược sĩ: Nguyễn Thị Hiên		